

Số: 4272 /QĐ-UBND

Hiệp Hoà, ngày 06 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Dự án
Chăn nuôi bò sinh sản xã Hợp Thịnh (nguồn vốn thuộc Dự án 2: Đa dạng
hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo Chương trình MTQG
giảm nghèo bền vững năm 2023)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình MTQGGBV giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 1676/VBHN-BLĐTBXH ngày 10/5/2023 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương.

Căn cứ Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm

nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Ban hành quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 02/HDLN-SLĐTB&XH-SKH&ĐT-SNN&PTNT-STC ngày 05/7/2023 của liên ngành: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện Dự án 2- Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và Tiểu Dự án 1- Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp của Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (đợt 2), tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND xã Hợp Thịnh tại Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 29/9/2023 về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt Dự án Chăn nuôi bò sinh sản xã Hợp Thịnh và Tổ thâm định Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo tại Tờ trình số 434 /TTr-TTĐ ngày 04/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Dự án Chăn nuôi bò sinh sản xã Hợp Thịnh (nguồn vốn thuộc Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023) với nội dung như sau:

- 1. Tên dự án:** Dự án Chăn nuôi bò sinh sản xã Hợp Thịnh.
- 2. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân xã Hợp Thịnh.
- 3. Đại diện tổ (nhóm) cộng đồng:** Ông Tô Quang Văn; địa chỉ: thôn Gò Pháo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa; Số CCCD: 024069002301, cấp ngày 01/5/2021; Số điện thoại liên hệ: 0979845032.
- 4. Thời gian triển khai:** Từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 8 năm 2025.
- 5. Địa điểm, quy mô hiện dự án**
 - **Địa điểm thực hiện:** Tại 06 thôn: Trung Tâm, Đồng Đạo, Gò Pháo, Ninh Tào, Hương Ninh, Đa Hội của xã Hợp Thịnh.
 - **Quy mô:** Tổng số 27 con bò cái Lai sind sinh sản; 01 con/hộ.
- 6. Đối tượng tham gia, hình thức thực hiện**
 - **Đối tượng tham gia:** Tổng số thành viên tham gia thực hiện dự án: 28 hộ,

trong đó có 06 hộ nghèo, 19 hộ cận nghèo, 02 hộ mới thoát nghèo, 01 hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi (*có danh sách các hộ tham gia dự án kèm theo*).

- **Hình thức thực hiện:** UBND xã trực tiếp thực hiện việc mua sắm (tổ chức các hoạt động đấu thầu đối với các nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu) và bàn giao sản phẩm cho đại diện cộng đồng (hỗ trợ bò cái giống, tập huấn kỹ thuật thông qua hình thức ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng (Tổ trưởng)). Tổ trưởng sau khi nhận hỗ trợ bò cái giống có trách nhiệm chuyên giao cho các thành viên trong tổ để thực hiện chăn nuôi; Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho Tổ cộng đồng và một số thành viên có liên quan. Các hộ tham gia dự án có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển Dự án theo bản cam kết đã ký; sau mỗi kỳ chăn nuôi có trách nhiệm tái sản xuất mở rộng, số lượng bò con được sinh sản sau mỗi chu kỳ dự kiến bằng số lượng hỗ trợ ban đầu.

7. Các hoạt động dự án: (*Có phương án tổ chức các hoạt động kèm theo*).

8. Nguồn kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 656.714.600 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm năm sáu triệu bảy trăm mười bốn nghìn sáu trăm đồng*). Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ 350.000.000 đồng;
- Vốn đối ứng của các hộ tham gia dự án: 306.714.600 đồng.

(*Có biểu dự toán kinh phí kèm theo*)

9. Hình thức, mức quay vòng vốn

Thu hồi, quay vòng vốn bằng tiền mặt; tỷ lệ thu hồi 5% theo Điều 4 Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang; thời gian thu hồi tối đa không quá 03 tháng sau khi kết thúc dự án.

10. Dự kiến hiệu quả của dự án

Dự án chăn nuôi bò sinh sản tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình tham gia thực hiện dự án và sau 1 chu kỳ (02 năm) mỗi hộ thu về khoảng 15.000.000 đồng sau khi trừ chi phí. Bò mẹ tiếp tục được duy trì chăn nuôi là nguồn vốn cơ sở cho phát triển sản xuất. Ngoài ra chăn nuôi bò còn là cung cấp nguồn phân bón hữu cơ cho sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ hộ dân tham gia thực hiện dự án sau 02 năm tham gia dự án thoát nghèo 100% (25 hộ); 02 hộ mới thoát nghèo có kinh tế ổn định, không tái nghèo.

11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết: Thu hồi lại 100% vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ hộ dân tham gia dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND xã Hợp Thịnh thông báo nội dung của dự án đã được phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án; Ký hợp đồng với đại diện Tổ nhóm cộng đồng tổ chức thực hiện các nội dung dự án; Tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu đối với các nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu ; Bàn giao tài sản cho tổ nhóm cộng đồng để triển khai thực hiện dự án (*theo mẫu số 01/TSC-BBGN Nghi*

định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công); Nghiệm thu kết quả, khối lượng, chất lượng công việc, đồng thời hướng dẫn, theo dõi triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung, tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện Tổ nhóm cộng đồng; Giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện cụ thể của dự án, báo cáo về UBND huyện (*qua Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội*).

UBND xã Hợp Thịnh có trách nhiệm tổ chức thu hồi, quay vòng nguồn vốn hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

2. Giao Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện chủ trì, phối hợp, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

3. Giao Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đơn đốc, kiểm tra thực hiện đảm bảo đúng tiến độ dự án và việc chấp hành các quy định pháp luật của cộng đồng thực hiện dự án.

4. Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp huyện phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn xã, Tổ cộng đồng thực hiện các nội dung liên quan đến hoạt động của dự án.

5. Giao Tổ trưởng Tổ cộng đồng và các thành viên tổ chức triển khai thực hiện nội dung kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm theo Quyết định phê duyệt và Hợp đồng ký kết với UBND xã Hợp Thịnh; Sử dụng con giống được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng mục đích, nội dung, dự toán tại Quyết định phê duyệt dự án; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự án theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động- Thương binh và Xã hội; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND xã Hợp Thịnh, Tổ cộng đồng và các ông, bà có tên trong danh sách tham gia dự án tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Lao động-TB&XH;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVVX;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Nghị

**DANH SÁCH CÁC HỘ THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN
CHĂN NUÔI BÒ SINH SẢN XÃ HỢP THỊNH**
(Kèm theo Quyết định số 4272 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2023
của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hoà)

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	ĐỐI TƯỢNG	GHI CHÚ
1	Tô Quang Văn	Gò Pháo	Hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi	Tổ Trưởng
2	Phạm Văn Quý	Trung Tâm	Hộ thoát nghèo	Tổ phó
3	Nguyễn Văn Bính	Trung Tâm	Hộ cận nghèo	Thành viên
4	Lê Văn Bình	Trung Tâm	Hộ cận nghèo	Thành viên
5	Lê Văn Quyết	Trung Tâm	Hộ cận nghèo	Thành viên
6	Phạm Thị Bền	Trung Tâm	Hộ cận nghèo	Thành viên
7	Tạ Thị Khanh	Trung Tâm	Hộ cận nghèo	Thành viên
8	Lê Văn Dũng	Trung Tâm	Hộ cận nghèo	Thành viên
9	Ngô Thị Sen	Đa Hội	Hộ nghèo	Thành viên
10	Ngô Văn Vui	Đa Hội	Hộ nghèo	Thành viên
11	Lê Thị Phúc	Đa Hội	Hộ nghèo	Thành viên
12	Ngô Văn Cự	Đa Hội	Hộ nghèo	Thành viên
13	Nguyễn Ngọc Lan	Đa Hội	Hộ cận nghèo	Thành viên
14	Ngô Văn Đước	Đa Hội	Hộ nghèo	Thành viên
15	Vũ Thị Tám	Đa Hội	Hộ cận nghèo	Thành viên
16	Vương Thị Ngoãn	Đồng Đạo	Hộ Nghèo	Thành viên
17	Vũ Văn Tập	Đồng Đạo	Hộ cận nghèo	Thành viên
18	Vũ Thị Phương	Đồng Đạo	Hộ cận nghèo	Thành viên
19	Nguyễn Thị Nhung	Đồng Đạo	Hộ cận nghèo	Thành viên
20	Vũ Xuân Hương	Gò Pháo	Hộ cận nghèo	Thành viên
21	Nguyễn Quỳnh Trang	Gò Pháo	Hộ cận nghèo	Thành viên
22	Vũ Thị Hưng	Ninh Tào	Hộ cận nghèo	Thành viên
23	Phan Văn Chi	Ninh Tào	Hộ cận nghèo	Thành viên
24	Nguyễn Văn Thiệp	Ninh Tào	Hộ cận nghèo	Thành viên
25	Nguyễn Thị Nhân	Ninh Tào	Hộ cận nghèo	Thành viên
26	Nguyễn Văn Huynh	Ninh Tào	Thoát cận nghèo	Thành viên
27	Trần Văn Kháng	Ninh Tào	Hộ cận nghèo	Thành viên
28	Nguyễn Văn Mỹ	Hương Ninh	Hộ cận nghèo	Thành viên

Tổng số hộ tham gia thực hiện dự án: 28 hộ, trong đó có 06 hộ nghèo, 19 hộ cận nghèo, 02 hộ mới thoát nghèo, 01 hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN
CHĂN NUÔI BÒ SINH SẢN XÃ HỢP THỊNH
(Kèm theo Quyết định số 4272 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2023
của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hoà)

1. Nhu cầu sản xuất sản phẩm của cộng đồng dân cư

1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn xã Hợp Thịnh

Xã Hợp Thịnh nằm ở phía tây huyện Hiệp Hòa; phía bắc giáp huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; phía nam giáp huyện Sóc Sơn, Hà nội; phía đĐông, phía tây giáp xã Mai Trung; xã có diện tích tự nhiên là 9.4km², 2.612 hộ gia đình, 12.457 nhân khẩu; được chia thành 6 thôn; trong đó đất nông nghiệp 625,87ha. Số hộ nông nghiệp 2.015 hộ chiếm 81,1%. Nguồn thu nhập của nhân dân địa phương cơ bản từ sản xuất nông nghiệp, kinh doanh, thương mại, dịch vụ.

Kinh tế của hộ dân trên địa bàn xã chủ yếu thu nhập từ sản xuất nông nghiệp kết hợp với chăn nuôi là chính, nguyên nhân nghèo của các hộ dân chủ yếu là do thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật phát triển kinh tế, thiếu vốn sản xuất, trong khi đó bản thân các hộ nghèo đều có mong muốn được hỗ trợ về kỹ thuật, vốn để sản xuất kinh tế hộ, vươn lên thoát nghèo.

1.2. Tổng quan về phát triển chăn nuôi trước khi thực hiện dự án

Trên địa bàn xã Hợp Thịnh có mô hình chăn bò sinh sản là sản phẩm chủ lực của xã. Hiện nay tổng đàn bò trên 1.650 con; trong đó có trên 1.500 hộ nuôi bò sinh sản với quy mô từ 1 đến 2 con. Tuy nhiên người dân chưa thường xuyên áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi; việc thực hiện quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc, xây dựng chuồng trại, vệ sinh thú y... còn có mặt hạn chế nên khó kiểm soát dịch bệnh, kế hoạch tái đàn khó khăn.

Trong khi đó tiềm năng phát triển chăn nuôi gia súc và đàn bò của địa phương tương đối lớn do có quỹ đất đất nông nghiệp rộng, số lượng lao động nông nghiệp nhiều. Địa phương còn diện tích đất gò cao, các khu ven đê sông Cầu có thể trồng cây thức ăn thô xanh cho bò.

1.3. Sự cần thiết xây dựng dự án

Thực hiện chủ chương của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trong đó có Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Hợp Thịnh năm 2023.

Để phát triển kinh tế theo hình thức hỗ trợ phát triển kinh tế cộng đồng mạng lại lợi ích kinh tế cao, thoát nghèo bền vững, tiếp tục nhân rộng mô hình phát triển sản xuất trong tương lai. Các hộ dân tham gia Dự án có khả năng đối ứng vốn để tiếp tục phát triển sản xuất và thực hiện tỷ lệ thu hồi vốn (5%) để tiếp tục đầu tư cho các hộ dân khác trên địa bàn cùng làm kinh tế để vươn lên thoát nghèo. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy hoạch; ưu tiên

phát triển chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học; chăn nuôi có gắn với tiêu thụ sản phẩm; chú trọng công tác giống, kiểm soát dịch bệnh.

2. Xác định mục tiêu của dự án

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Dự án Chăn nuôi bò sinh sản xã Hợp Thịnh phù hợp với điều kiện thế mạnh của địa phương, nhằm góp phần tạo thêm việc làm cho nông dân nghèo, chuyển dịch cơ cấu sản xuất. Đưa những giống vật nuôi có giá trị kinh tế cao vào sản xuất, từng bước hình thành và phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân để thoát nghèo bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển chăn nuôi bò sinh sản theo hướng hàng hóa, phù hợp với điều kiện canh tác của người dân, thân thiện với môi trường, đảm bảo tạo ra giá trị kinh tế, lợi ích cho các hộ dân tham gia dự án.

- Dự án tạo ra việc làm cho lao động các hộ gia đình tham gia thực hiện dự án và các lao động thời vụ tham gia hoạt động mua bán, vận chuyển...) đồng thời, các hộ dân tham gia thực hiện dự án có mức thu nhập tăng tối thiểu 20-30% từ việc chăn nuôi Bò sinh sản. Tỷ lệ hộ dân tham gia thực hiện dự án sau 02 năm tham gia dự án thoát nghèo là 100% (25 hộ).

- Hộ dân tham gia dự án được hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi bắt tay chỉ việc, hướng dẫn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi cho người dân chưa có kinh nghiệm.

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai thực hiện dự án, bổ sung kiến thức công tác giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

- Giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội tại địa phương.

3. Xác định các hoạt động của dự án

- Năm 2023: Xây dựng dự án, lập dự toán kinh phí thực hiện dự án gửi UBND xã trình UBND huyện phê duyệt dự án. Tổ chức tập huấn chuyên gia, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân (kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò sinh sản); Tổ chức sản xuất; giám sát, nghiệm thu chuồng trại, tiếp nhận và cấp phát đủ số lượng bò sinh sản được nhà nước hỗ trợ cho các hộ dân tham gia thực hiện dự án; hoàn thiện hồ sơ, chứng từ, báo cáo tiến độ trình cơ quan chức năng nghiệm thu, quyết toán các hạng mục hỗ trợ.

- Năm 2024: Thường xuyên giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, đôn đốc người dân tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng phòng chống dịch bệnh trên đàn bò sinh sản; tổ chức tập huấn kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng qua các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của đàn bò.

- Năm 2025: Thực hiện chăm sóc nuôi dưỡng tiêu thụ bò con, thu hồi vốn theo quy định. Đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện mô hình cho cơ quan quản lý

nhà nước; xem xét hiệu quả, mở rộng quy mô. Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn xã Hợp Thịnh, hình thức quay vòng bằng tiền mặt với tỷ lệ thu hồi vốn là 5% vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp để thực hiện dự án.

4. Xác định phương án huy động và sử dụng vốn

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 656.714.600 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm năm sáu triệu bảy trăm mười bốn nghìn sáu trăm đồng*). Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ 350.000.000 đồng (*tương ứng 53% tổng kinh phí dự án*); vốn đối ứng của các hộ tham gia dự án: 306.714.600 đồng (*tương ứng 47% tổng kinh phí dự án*).

4.1. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 350.000.000 đồng; Trong đó:

- Hỗ trợ chi phí mua con giống: 341.820.000 đồng.
- Hỗ trợ quản lý dự án: 8.180.000 đồng.

4.2. Đối ứng của các hộ gia đình tham gia dự án: 306.714.600 đồng; Trong đó:

- Chi phí đối ứng mua bò giống: 81.000.000 đồng (*27 hộ x 3.000.000đ/hộ*)
- Chi phí thức ăn chăn nuôi: 222.750.000 đồng.
- Chi phí vắc xin, thuốc thú y: 2.964.600 đồng.

5. Xác định về doanh thu, chi phí, lợi nhuận

Dự án hỗ trợ nuôi bò sinh sản tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình tham gia thực hiện dự án và sau 1 chu kỳ (02 năm) mỗi hộ thu về khoảng 15.000.000 đồng sau khi trừ chi phí. Bò mẹ tiếp tục được duy trì chăn nuôi là nguồn vốn cơ sở cho phát triển sản xuất. Ngoài ra chăn nuôi bò còn là cung cấp nguồn phân bón hữu cơ cho sản xuất nông nghiệp.

6. Xác định hiệu quả của dự án

6.1. Hiệu quả về kinh tế: Dự án Chăn nuôi bò sinh sản xã Hợp Thịnh tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình tham gia thực hiện dự án. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và trở thành mô hình chủ lực để các hộ dân học tập, nhân rộng trên địa bàn xã.

6.2. Hiệu quả về môi trường: Dự án áp dụng kỹ thuật phù hợp giúp hạn chế ô nhiễm môi trường, tạo được thu nhập cho người dân.

6.3. Hiệu quả về xã hội

- Tạo công ăn việc làm nâng cao thu nhập của người dân, góp phần giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội thực hiện thành công chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Qua thực hiện dự án 25 hộ sẽ thoát nghèo (06 hộ nghèo, 19 hộ cận nghèo), 02 hộ mới thoát nghèo có kinh tế ổn định, không tái nghèo.

- Xây dựng thành công dự án góp phần cải tạo việc làm nâng cao thu nhập cho các hộ dân, tăng sản phẩm cho xã hội, đời sống được cải thiện góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

BIỂU DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN
DỰ ÁN CHĂN NUÔI BÒ SINH SẢN XÃ HỢP THỊNH
(Kèm theo Quyết định số 4272 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hoà)

ĐVT: đồng.

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
						Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Hộ dân đối ứng	
	TỔNG CỘNG				656 714 600	350 000 000	306 714 600	
I	Con giống và vật tư, nguyên liệu				648 534 600	341 820 000	306 714 600	
1	Con giống bò cái lai Sind, lai Brahman (Biểu cân trung bình 140kg/con-150 kg/con)	kg	3.915	108.000	422 820 000	341 820 000	81 000 000	
2	Thức ăn				222 750 000		222 750 000	
2.1	Năm 2023				11 340 000		11 340 000	
	Thức ăn bột ngô, cám gạo (1kg/con/ngày x 60 ngày)	kg	1620	7 000	11 340 000		11 340 000	
2.2	Năm 2024				102 060 000		102 060 000	
	Thức ăn bột ngô, cám gạo (0,5 kg/con/ngày x 360 ngày)	kg	4860	7 000	34 020 000		34 020 000	
	Thức ăn bột ngô, cám gạo (1 kg/con/ngày x 360 ngày)	kg	9720	7 000	68 040 000		68 040 000	
2.3	Năm 2025				109 350 000		109 350 000	

	Thức ăn tinh, cám gạo (1kg/con/ngày x 270 ngày)	kg	7290	6 000	43 740 000		43 740 000	
	Thức ăn tinh, bột ngô (1 kg/con/ngày x 270 ngày)	kg	7290	9 000	65 610 000		65 610 000	
3	Vắc Xin		216		2 964 600		2 964 600	
3.1	Năm 2023		108	49 900	1 482 300		1 482 300	
	Tụ huyết trùng (2 liều/con)	Liều	54	5 000	270 000		270 000	
	Nở mồm long móng (1liều/con)	Liều	27	18 900	510 300		510 300	
	Viêm da nổi cục (1 liều/con)	Liều	27	26 000	702 000		702 000	
3.2	Năm 2024		108		1 482 300		1 482 300	
	Tụ huyết trùng (2 liều/con)	Liều	54	5 000	270 000		270 000	
	Nở mồm long móng (1liều/con)	Liều	27	18 900	510 300		510 300	
	Viêm da nổi cục (1 liều/con)	Liều	27	26 000	702 000		702 000	
II	Chi phí quản lý dự án				8 180 000	8 180 000		
1	Chi phí lập HSMT, thẩm định HSMT, đánh giá HSDT, thẩm định KQLC nhà thầu	Gói	1	8 015 000	8 015 000	8 015 000		
2	Chi phí đăng tải E-HSMT	Gói	1	165 000	165 000	165 000		